

XIÊM LA QUỐC LỘ TRÌNH TẬP LỤC
(Gia Long cửu niên - 1810)
Tổng Phước Ngoạn - Dương Văn Châu tập
LỜI TẤU

*Chánh sứ Khâm sai thuộc nội Cai cơ, thần, Tổng Phước Ngoạn,
 Phó sứ Thị nội Tham luận, thần, Dương Văn Châu,
 Chúng thần dập đầu cúi đầu trăm lạy kính cẩn tâu:*

Vâng mệnh nhận sắc sai đi sứ nước Xiêm, tìm hiểu những điều thấy biết về núi sông đường sá, gặp được Đạo nhân là thầy Thụy⁽¹⁾ thuyết minh hướng dẫn các đường thủy đường bộ từ cửa biển Ba Thắc đến mương Xa Láng,⁽²⁾ từ núi non đầu nguồn cho đến biển cả ngoài khơi, tổng quát cận kề. Chúng thần đem những điều ấy hỏi lại Cai đội Thanh, Thông ngôn Biển, và [người ở] sở Phú Quốc là Lái An, Lái Tâm, cùng các lưu dân kiều ngụ⁽³⁾ [ở Xiêm], qua lời những người này thì thấy rằng phần lớn giống nhau, sai biệt rất ít. Chúng thần bèn tổng hợp chọn lựa các lời ấy làm thành toát yếu, vụng về vẽ thành một tập địa đồ và chép thành một tập lộ trình đường thủy đường bộ, nay về xin dâng lên.

Nhưng chúng thần ngu muội kém cỏi, lo lắng hồi hộp, không kịp được run sợ, vạn lần mong Hoàng thượng sáng suốt.

Cẩn thận tâu rõ, ngày mùng mười tháng Bảy năm Gia Long thứ chín [09/8/1810].

XIÊM LA QUỐC LỘ TRÌNH TẬP LỤC

Từ đầm Cổ Công, đất thuộc trấn Hà Tiên, từ trấn Hà Tiên trở lên là đất thuộc thành Gia Định, từ đầm Cổ Công trở xuống là đất thuộc nước Xiêm La.⁽⁴⁾

(I)
LỤC HÀNH THƯỢNG LỘ
[Đường bộ mạn trên]

Từ doanh Nam Vang [Phnom Penh],⁽⁵⁾ đường bộ chia hai ngã, một ngã theo hướng tây, hai bên núi rừng từng lớp tạp nhạp, có nơi đồng không mông quạnh chỉ có lau sậy, nhiều thú dữ, đi 6 ngày đến Lục Khôn Uất [Pursat?],⁽⁶⁾ nơi này có chùa xưa xây bằng đá, không người ở.

Từ Lục Khôn Uất đường đi hai bên núi rừng liên tiếp, cây cối sum suê, nhiều thú dữ, đi 6 ngày đến xứ Bát Tâm Bôn [Battambang].⁽⁷⁾ Nơi này trước kia do Chiêu Chùy Ca trấn thủ.⁽⁸⁾

[Từ Nam Vang] một ngã theo hướng nam,⁽⁹⁾ hai bên heo hút lau sậy rừng tạp, có người Cao Miên ở, đi 10 ngày thông đến xứ Bát Tâm Bôn.

Từ Bát Tầm Bôn đường chia hai ngã, một ngã theo hướng nam, hai bên núi rừng từng lớp tạp nhạp, có nơi heo hút lau sậy, có người Cao Miên ở, đi 5 ngày đến mương Bang Cương [Prachinburi].⁽¹⁰⁾ Mương này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 200 suất, dân sống nghề làm ruộng, có nhiều sa nhân, bạch khấu.

Từ mương Bang Cương hai bên đường thoáng vắng lau sậy, dân cư và rừng tạp, đi 1 ngày đến mương Bắc Niu [Paetriu].⁽¹¹⁾ Mương này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 1.000 suất, dân cư đông đúc, có phố chợ buôn bán. Từ mương Bắc Niu đường lộ thoáng vắng, hai bên lau sậy, rừng tạp, ruộng nương, đi 2 ngày đến thành Vọng Các [Bangkok].⁽¹²⁾

[Từ Bát Tầm Bôn] một ngã theo hướng tây,⁽¹³⁾ hai bên núi rừng lau sậy từng cụm tươi tốt, nhiều thú dữ, đi 10 ngày đến mương Cổ Lạc [Khorat/Korat].⁽¹⁴⁾ Mương này có quan Lào trấn thủ,⁽¹⁵⁾ quân số khoảng 3.000 suất, dân Lào, Xiêm và Cao Miên sinh sống đông đúc, làm nghề lấy cánh kiến, sáp ong, sa nhân, bạch khấu, ngà voi, sừng tê. Vùng này không có muối, có một khoảnh đất có mỏ muối, cứ lấy đất này đem nướng sấy làm thành muối mà ăn. Từ mương này đường chia hai ngã, một ngã hướng đông nam, hai bên là rừng lau sậy từng cụm tươi tốt, đi 3 ngày đến mương Bang Cương; một ngã hướng tây, núi rừng quanh co, cây cỏ tạp nhạp, nhiều cọp voi, đi 5 ngày đến mương Sảo Hải [Saohai].⁽¹⁶⁾ Mương này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 100 suất, giáp địa giới Lào, dân ở đây chuyên nghề săn thú rừng.

Từ mương Sảo Hải đường đi quanh co, hai bên là rừng tre và cây tạp xanh tốt, có đoạn heo hút lau sậy, đi 2 ngày đến Thượng Thành [Ayutthaya],⁽¹⁷⁾ còn gọi là thành Liên Hoa. Thành xây hình bát giác, sau thành có tháp, mặt ngoài là sông dài bao quanh, trước mặt thành có hai cồn cát nhỏ, phía đông nam thành là sông lớn, có chùa Phật to, tục gọi là Tam Bảo Tự,⁽¹⁸⁾ có một tượng Phật rất lớn, phía ngoài dòng sông đất đai bằng phẳng, chùa Phật nhiều vô kể. Từ Thượng Thành đường đi lúc thoáng lúc tạp, lau sậy rậm rạp, chen lẫn ruộng đồng, đi 1 ngày đến thành Vọng Các, chùa Sa Cớ⁽¹⁹⁾ ở gần sông phía sau thành, đoạn đường này mùa hạ mùa thu mưa ngập nước, lau sậy mọc đầy không thể đi lại, đến mùa đông xuân nắng ráo, đốt lau sậy thì có thể đi được. Thành xây như hình rùa, dài khoảng 2 dặm, rộng khoảng 1 dặm, mặt trước hướng tây nam, mặt sau hướng đông bắc, trong thành có 2 khu, Phật Vương⁽²⁰⁾ ở khu giữa, Nhị Vương⁽²¹⁾ ở khu bên phải, cùng với các ngôi chùa Phật tô son đắp vàng rất là rực rỡ. Phố chợ và dân cư ở trước mặt thành, phía bờ tây sông lớn là thành cũ do Phi Nhã Tác [P'ya Taksin]⁽²²⁾ xây dựng trước kia, mặt trước đã xây xong, mặt sau còn dang dở, từ lúc Phi Nhã Tác chết, thành vẫn để vậy đến nay, thành rộng khoảng 1 dặm, tô son đắp vàng, dân cư phố chợ gần bên.

Từ Tam Bảo Tự ở Thượng Thành phải qua sông lớn, sông rộng 30 tầm, nước sâu khoảng 1 tầm 3 thước, bến sông hướng về nam, đường chia hai ngã, đường phía trên và đường phía dưới.

Từ Tam Bảo Tự qua sông. Đi đường trên, hai bên thoáng vắng, lau sậy rậm rạp, đi 1 ngày đến mương Sủ Phân [Suphanburi].⁽²³⁾ Mương này có quan

Xiêm Chiêu Mương trấn thủ,⁽²⁴⁾ quân số khoảng 300 suất, dân cư ruộng đất sung túc, mua bán các loại sáp ong, dầu trám, tô mộc.

Từ mương Sủi Phân hai bên đường ruộng đồng núi rừng lau sậy từng chòm tạp nập, đi 3 ngày đến mương Bắc Liệt [Pakphraek].⁽²⁵⁾ Mương này có quan Chiêu Mương trấn thủ, quân số khoảng 600 suất, dân cư đông đúc, làm nghề lấy tô mộc, dầu rái.

Từ mương Bắc Liệt đường chia hai ngã, một theo hướng tây, hai bên núi rừng từng khoảng tạp nập, nhiều voi cạp, đi 3 ngày đến địa giới Phù Ma [Burma/ Myanmar],⁽²⁶⁾ một ngã theo hướng nam, hai bên núi rừng lau sậy từng chòm tạp nập, đi 3 ngày đến mương Me Năm Noi [Sai Yot Noi].⁽²⁷⁾ Nơi này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 1.000 suất.

Từ Tam Bảo Tự qua sông. Đi đường dưới, hai bên thoáng đàng, dân cư ruộng đồng, đi 2 ngày đến sông lớn, sông rộng 20 tầm, nước sâu 3 thước, qua sông là đến mương Lục Khôn Xây Sĩ [Nakhon Chaysi],⁽²⁸⁾ có quan Xiêm Chiêu Mương trấn thủ, quân số khoảng 200 suất, dân cư đông đúc, làm ruộng nương, làm đường cát.

Từ mương Lục Khôn Xây Sĩ đường chia hai ngã, một ngã theo hướng tây bắc, hai bên dân cư ruộng đồng, đi 2 ngày đến mương Sủi Phân; một ngã theo hướng tây nam, hai bên dân cư ruộng đồng, lau sậy rừng tạp, đi 2 ngày đến thành Lạc Phi Ngõa [Ratburi],⁽²⁹⁾ thành này có quan Chiêu Mương trấn thủ, quan này thuộc tông tộc vua Xiêm, quân số khoảng 1.000 suất, dân cư đông đúc. Phía tây nam thành đường chia hai ngã, một ngã hướng tây, hai bên dân cư ruộng đồng, lau sậy rừng tạp, đi 2 ngày đến mương Bắc Liệt; một ngã hướng nam, phải qua sông lớn, sông rộng khoảng 21 tầm, nước sâu 2 thước, qua bờ bên kia đường đi quanh co, hai bên dân cư ruộng đồng, lau sậy rừng tạp, đi 2 ngày đến mương Phạp Phi [Phetburi],⁽³⁰⁾ có quan Xiêm Chiêu Mương trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất, tích trữ nhiều lúa gạo, dân cư đông đúc, ruộng đồng bát ngát, có nghề làm đường thốt nốt, đi qua sông nhỏ, rộng khoảng 7 tầm, nước sâu 1 thước, qua bờ bên kia đường chia hai ngã, một ngã hướng đông, hai bên dân cư ruộng đồng, lau sậy rừng tạp, đi nửa ngày đến bờ biển xóm Băng Kiều [Pak Thale],⁽³¹⁾ dân cư đông đúc, canh tác ruộng nương và làm đường thốt nốt; một ngã hướng nam đường sá quanh co, hai bên rừng núi ngút ngàn, bên tây lộ có dân cư, canh tác ven các sườn đồi, làm đường thốt nốt, bên trong là đường rừng dẫn lên đồi núi, lau sậy rậm rạp, nhiều voi cạp, [theo đường lớn] đi 5 ngày đến Tà Nào Thùng [Prachuap Khiri Khan].⁽³²⁾ Từ bờ biển cho đến thượng nguồn, lau sậy ngút ngàn, núi rừng từng chòm tạp nập, có nhiều tô mộc, đi 3 ngày đến địa giới Phù Ma. Nơi này năm xưa Tiền Dũng quận công trú đóng thủy quân, tuyển bộ binh tiến đánh giặc Phù Ma.⁽³³⁾

Từ Tà Nào Thùng hai bên đường núi rừng sum suê, nhiều voi cạp, đi 2 ngày đến mương lớn Ban Tà Phan [Bang Saphan],⁽³⁴⁾ có sở Phân thủ coi việc khai thác vàng.⁽³⁵⁾ Từ mương lớn Ban Tà Phan đường sá quanh co, hai bên núi rừng từng chòm tạp nập, nhiều thú dữ, đi 3 ngày đến mương Chiêm

Bôn [Chumphon],⁽³⁶⁾ có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 300 suất, dân cư ruộng đồng, làm các nghề xẻ ván đóng ghe, làm than củi, dầu rái. Từ Chiêm Bôn đường sá quanh co, hai bên núi rừng từng chòm tạp nhạp, nhiều thú dữ, đi 2 ngày đến xóm Láng Sơn [Lang Suan],⁽³⁷⁾ gần bờ biển, dân cư ruộng nương, làm các nghề xẻ ván đóng ghe, than củi, lấy dầu rái, các loại mây (thiết đàng, thủy đàng).

Từ xóm Láng Sơn đường sá quanh co, hai bên núi rừng từng chòm tạp nhạp, nhiều thú dữ, đi 2 ngày đến mương Xây Gia [Chaiya],⁽³⁸⁾ mương này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 700 suất, dân cư ruộng nương, làm các nghề như dân ở Láng Sơn.

Từ Xây Gia đường sá quanh co, hai bên núi rừng từng chòm tạp nhạp, đi 5 ngày đến mương Lục Khôn [Nakhon Sithammarat],⁽³⁹⁾ có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất, dân cư ruộng nương, làm các nghề như dân Chiêm Bôn, nơi này có loại trúc vằn làm ống khói (điều hút thuốc).

Từ mương Lục Khôn hai bên đường núi rừng từng chòm tạp nhạp, nhiều thú dữ, đi 4 ngày đến Sóng Sẻ [Songkhla],⁽⁴⁰⁾ có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất, dân cư ruộng nương, phố chợ mua bán tấp nập, cho đến Mương Say [Muang Saiburi]⁽⁴¹⁾ và mương Xa Láng [Chalang (Ujong Salang-Phuket)].⁽⁴²⁾

Từ Sóng Sẻ đường thủy đến biển Nước Ngọt [Thale Luang],⁽⁴³⁾ nhập vào con sông phía nam, cho đến thượng nguồn. Con đường phía tây hai bên hoang vắng, lau sậy um tùm, đi 2 ngày đến Mương Say, mương này có quan Đồ Bà trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất,⁽⁴⁴⁾ dân cư ruộng đồng, phố chợ thông thương đến Sóng Sẻ và Hòn Cau [Penang],⁽⁴⁵⁾ đến các mương Xa Láng..

Từ Mương Say đường sá hai bên lau sậy um tùm, đi nửa ngày đến bờ biển, đi đường thủy 1 canh đến cù lao Cau [Penang],⁽⁴⁶⁾ nơi này núi quanh đất rộng, có quan Hoa Lang trấn thủ,⁽⁴⁷⁾ dân cư đông đúc, đất vườn trồng hồ tiêu, mua bán các vật phẩm của con chiền Hòa Lang [giáo dân],⁽⁴⁸⁾ có chế tạo 6 chiếc cấp bản (thuyền)⁽⁴⁹⁾ để phòng đẳng cướp.

Từ bờ tây biển Nước Ngọt có sông nhỏ ăn thông đến mương Ta Lung [Phatthalung],⁽⁵⁰⁾ có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất, dân cư ruộng nương dài đến núi rừng thượng nguồn, lau sậy um tùm tạp nhạp.

Từ Me Năm Lọt [Mae Nam Khirirat - (Suratthani)]⁽⁵¹⁾ đường theo hướng tây đến thượng nguồn, đường quanh co, hai bên núi rừng lau sậy từng chòm tạp nhạp, nhiều voi cạp, đi 6 ngày đến mương Cua Thùng Cua Bá [Takua Thung-Suwan Khuha],⁽⁵²⁾ có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 1.000 suất, xứ này có nhiều mỏ nhôm, mỏ thiếc, ruộng đất cư dân cũng giống như ở mương Chiêm Bôn.

Từ Cua Thùng Cua Bá theo hướng tây, hai bên đường cây cỏ từng chòm tạp nhạp, có nhiều thú dữ, đi nửa ngày thì đến bờ biển, theo đường thủy 1 canh

đến mường Xa Láng [Thalang], mường này có quan Xiêm trấn thủ, quân số khoảng 3.000 suất, dân cư ruộng vườn, mua bán nhộn nhịp, ở đây có loại trúc vằn làm ống hút thuốc.

CHÚ THÍCH

- Đạo sĩ này có thể mang họ Sài/ Thái tên Thụy, nhưng trong chữ Nôm, Sài cũng đọc là Thầy [ông thầy], xét thấy các nhân vật được kể trong nội dung tờ tấu đều không chép họ mà chỉ ghi chức vụ, nghiệp vụ và tên, nên có thể hiểu ông Đạo này là thầy Thụy, theo cách gọi thầy chùa, thầy pháp, thầy cúng... khá phổ biến ở vùng Tây Nam Bộ.
- Mường 茫, âm Nôm từ chữ Muang (tiếng Thái, Mã) nghĩa vùng/ khu vực hành chính; Xa Láng, tức Chalang/ Thalang, cũng gọi Ujong Salang, thuộc đảo Phuket (Siam).
- “Lái” 裡, chữ Nôm, nghĩa là người lái tàu, đồng nghĩa với tài công, đà công, thuyền trưởng. Trong câu ý nói hai người thuyền trưởng tên An, tên Tâm. Cụm từ “các lưu dân kiều ngụ” chỉ những người Việt ở lại Thái Lan đợt đầu, sau vụ tỵ nạn của Nguyễn Ánh (theo *Người Việt ở Thái Lan 1910-1960*, Nguyễn Văn Khoan chủ biên, Nxb Công an Nhân dân, 2008). Theo Thái Văn Kiểm, năm 1780, 2 sứ giả là Cai cơ Tham, Cai cơ Tính do chúa Nguyễn phái tới cùng Mạc Thiên Tứ, Tôn Thất Xuân đến cầu viện trước đó (1776) và các thuộc hạ, gia quyến đều vị vua Xiêm sát hại vì nghi làm nội gián. Sứ Việt kiều định cư ở Bangkok từ trước cũng bị nghi ngờ, vua Xiêm lệnh cho đưa họ ra ở các tỉnh xa kinh đô (Lịch sử bang giao giữa Việt Nam và Thái Lan, trong *Đất Việt trời Nam*, 1960).
- Cổ Công, tức Kas Kong/ Koh Kong/ Kaoh Kông. Nguyên bản viết đầm, đúng ra là vịnh, cũng là tên đảo, Kas Kong / Koh Kong. Vịnh và đảo này thuộc tỉnh Koh Kong, Campuchia. Vào thời điểm ghi chép *Tập lục* [1810], nơi này vẫn do nhà Nguyễn kiểm soát. Nguyên hồi năm 1757, vua Chân Lạp là Nặc Tôn (Outey II) dâng đất năm phủ để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, dâng đất và các đảo ven biển từ Koh Kong (giáp địa giới Xiêm La) cho đến Hà Tiên nằm trong năm phủ ấy, sau Thiên Tứ không tự giữ nổi nên hiến cho chúa Nguyễn, đến thời Tự Đức, một phần vùng đất này được giao lại cho Cao Miên.
- Nam Vang, doanh, 南榮營, Phnom Penh, nay là thủ đô Campuchia. Trong thời điểm biên chép *Tập lục*, vua Cao Miên Ang Chan II đặt kinh đô ở Udong [Phsar Udong], cách Phnom Penh khoảng 130km về phía bắc. *Tập lục* gọi “doanh” đối với Nam Vang vì nơi này đang do nhà Nguyễn kiểm soát. Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*: “Năm Gia Long thứ 9 (1810), vua Cao Miên là Nặc Ông Chân [Ang Chan II] dâng biểu nói: ‘thuộc quan nước ấy là bọn Đề Đô Minh giữ đất Bông Suy để làm phản. Lại có tướng nước Xiêm là Phi Nhã Long, Man Bút giúp sức, thế nước nguy ngập, xin viện trợ’. Phụng chỉ, chuẩn cho Tổng trấn Gia Định là Nguyễn Văn Nhân, làm Kinh lược thành Nam Vang để bảo hộ... (cẩn án: lần này Nguyễn Văn Nhân đóng quân ở La Bích, tướng nước Xiêm là bọn Phi Nhã Long ở Bắc Tâm Bôn sợ không dám động, rồi dẫn quân lui. Nặc Ông Chân tự cho nước ấy mới định, tình nghĩa chưa yên, xin lưu quân lại để hộ vệ, bèn sai Nguyễn Văn Nhân đem 1.000 lính đồn Uy Viễn đến đóng thú.” (Bộ Lễ, quyển 132, Bang giao, Cửu viện. Bản dịch Viện Sử học, 1993, Tập 8, tr. 403).
- Lục Khôn Uất 六坤鬱, bản đối âm của Trần Kinh Hòa và Kimura Sokichi [sau đây gọi tắt bản đối âm theo cách Trần Kinh Hòa và Kimura Sokichi là *Bản T-S*] tồn nghi là chỉ vùng Pursat, căn cứ lộ trình và hướng đi thì có vẻ hợp lý. Nhưng xét theo âm nghĩa thì “Lục Khôn” do âm Nôm từ “nakhon” [tiếng Thái], gần như đồng nghĩa với “buri” và “muang”, nghĩa là “thành phố, thị trấn, khu vực”, “Uất” cận âm với Udong. Theo địa đồ Khmen Nai Ni/ The Khmer Within (vẽ trong khoảng 1794-1850) thấy giữa Phnom Penh và Battambang có một thành lớn là Don Kor, đây là địa điểm hợp với lộ trình hơn cả (từ Phnom Penh đi 6 ngày tới Don Kor, từ Don Kor đi 6 ngày tới Battambang) [xem *Royal Siamese Maps*, 2004, tr. 117].
- Bát Tâm Bôn, 八尋奔, Battambang, nay là tỉnh của Campuchia, giáp biên giới Thái Lan. Vào thời điểm biên chép *Tập lục*, Battambang gần như là thuộc địa của Xiêm, người đứng đầu

- vùng đất này lúc đó là Chaophraya Aphaiphubet Baen mặc dù là quan Cao Miên nhưng do vua Xiêm phong tước và bổ nhiệm.
8. Chiêu Chùy Ca 昭 鍾 卡, chữ Chùy gần với tự dạng và âm Thùy 陲, chữ Ca do sai từ chữ Biện 卞, *Đại Nam liệt truyện*, quyển 31 “Cao Miên truyện”, *Đại Nam thực lục*, *Cao Miên kỷ lược*, *Cao Miên Xiêm La sự tích*, *Trấn Tây kỷ lược* đều có chép về sự kiện có liên quan đến Chiêu Thùy (Chùy) Biện. Theo sử Việt, năm 1779 Nặc (Ổng) Ấn lên ngôi vua Chân Lạp, Chiêu Thùy Mô giữ quyền phụ chính, Hồ Văn Lân lãnh nhiệm vụ bảo hộ. Năm 1783, Chân Lạp bị Đồ Bà tấn công, Nặc Ấn chạy sang Xiêm, vua Xiêm cho Nặc Ấn trú, sai Chiêu Thùy Biện trở về giữ nước. Chiêu do phiên âm Nôm từ chữ Chao, Chao viết tắt của Chaophraya, là người đứng đầu một mường (vùng/ tỉnh). Sử Việt chép Nặc Ấn hay Nặc Ổng Ấn tức Ang Eng (tại vị 1779-1796), Chiêu Thùy Mô tức Chao Mu, Chiêu Thùy Biện/Bên tức Chao Baen. Theo Lê Hương (1970), do tranh giành quyền lực, Bên giết Mu, sau Bên được vua Xiêm phong làm Chao coi vùng Battambang và Angkor.
 9. Cách định hướng này [hoặc sắp chữ] có khi sai, từ Phnom Penh theo hướng nam không thể đến Battambang.
 10. Bang Cương, mường, 邦 疆 茫, *Bản T-S* cho ứng với Prachinburi, nhưng thấy không hợp phương hướng.
 11. Bắc Niu, mường, 北 拂 茫, *Bản T-S* âm sai là Bắc Nao, và cho ứng với Paetriu (nay gọi Chachoengsao), nhưng tính theo dặm đường thì thấy không hợp.
 12. Vọng Các, thành, 望 閣 城, Bangkok, kinh đô của Vương quốc Siam bắt đầu từ năm 1782, do vua Rama I chủ trương xây dựng.
 13. Đứng phải là hướng tây bắc.
 14. Cổ Lạc, mường, 古 落 茫, *Bản T-S* cho ứng với Khorat/ Korat [Nakhon Ratchasima].
 15. Thời điểm biên chép *Tập lục*, tại Vương quốc Lào thuộc triều vua Oupahat Chaophraya Anou (1805-1828), lúc này (1810) Chaophraya Anou đang thần phục Xiêm La, đến năm 1825 mới có cuộc chiến lớn giữa hai nước. Đoạn văn này viết “có quan Lào trấn thủ tại Khorat” không có nghĩa là Khorat thuộc sự quản lý của Lào, mà có nghĩa Xiêm La dùng quan trấn thủ người Lào.
 16. Sảo Hải, mường, 稍 諧 茫, Saohai [thuộc Saraburi].
 17. Thượng Thành, 上 城, Ayutthaya, kinh đô cổ của Thái Lan (từ năm 1350 đến 1767). Ayutthaya cũng là tên vương quốc, tên thời đại, tên trường phái nghệ thuật cổ. Trung Hoa phiên âm là A Du Đà Na.
 18. Tam Bảo Tự, 三 寶 寺, *Bản T-S* cho ứng với chùa [Wat Vihara] Phra Mangalapabitra, xây dựng hồi thế kỷ 16. Nhưng căn cứ vào mô tả kỹ hơn ở Phần VI của *Tập lục* thì thấy chùa này ứng với Wat Raja Burana.
 19. Sa Cốt Tự, 沙 據 寺, phiên âm tên chùa [Wat] Saket.
 20. Phật Vương, tức Rama I, vương hiệu chính thức là Phrabatsomdet Phraphutthayot Fa Chulalok [1782-1809]. Gốc là quý tộc Thái, từng làm Chao, tên Chakri, sử Việt thường chép với tên được phiên âm là Chất Tri (lúc chưa lên ngôi).
 21. Nhị Vương, em của vua Rama I, sử Xiêm gọi là Hoàng thái đệ Krompharatchawang Bawon Sathanmongkhon. Sử Việt thường chép với tên Sô Sy.
 22. Phi Nhã Tác, 丕 雅 作, tức P'ya Taksin/ Phraya Taksin, người gốc Hoa [Quảng Đông], có công lớn trong việc đánh trả các cuộc xâm lấn của người Burma, làm vua nước Xiêm từ năm 1770 đến 1782, dựng kinh thành Thonburi. Sử Trung Hoa chép với tên Trịnh Chiêu hoặc Trịnh Tín hoặc viết theo cách phiên âm là Phi Da Đạt Tín. Sử Việt chép với tên Trịnh Quốc Anh hoặc Trịnh Sinh.
 23. Sủ Phân, mường, (口 數) 吩 茫, Suphanburi, thành phố, cách Bangkok 105km về phía tây bắc. *Bản T-S* âm là Sủ Phân.

24. Chiêu Mường, tức phiên âm Nôm của từ Chao Muang, danh từ chung, chỉ vị quan đứng đầu tỉnh/ thành.
25. Bắc Liệt, mường, 北列茫, *Bản T-S* cho ứng với Pakphraek, thuộc Kanchanaburi.
26. Phù Ma, 浮麻, phiên âm từ Burma. Trong sử Việt có 2 cách gọi tên nước Myanma, hoặc Phù Ma, hoặc Diến/ Miến Điện.
27. Me Năm Noi, mường 楣 甬 茫, *Bản T-S* âm Noi là Noi và không đối chiếu. Me Năm Noi tiếng Thái có nghĩa là “dòng sông nhỏ”, tên này chỉ thị trấn [mường] Sai Yot Noi, cạnh sông Khwae Noi.
28. Lục Khôn Xây Sĩ, mường, 六坤嗟士茫, Nakhon Chaysi, gần Samut Sakhon.
29. Lạc Phi Ngõa, thành, 落丕瓦城, Ratburi.
30. Phạp Phi, mường, 乏丕茫, Phetchaburi [hoặc viết Phetburi].
31. Bạng Kiều, trạm/ xóm, 冰橋站, Pak Thale. Nguyên văn vốn là chữ “trạm”, *Bản T-S* âm sai là “xóm”. Nhưng nhiều khả năng chữ “xóm/ 站” bị in sai thành “trạm/ 站”, vì xét thấy đi kèm nhiều địa danh khác đều viết “xóm”.
32. Tà Nào Thùng, 斜 甬 桶, *Bản T-S* cho ứng với mường Utai Tani, nơi cách phía bắc Bangkok 219km. Tuy nhiên theo lộ trình thì thấy nói đang đi về hướng nam, theo dặm đường thấy ứng với Prachuap Khiri Khan, và từ nơi này đi 2 ngày thì mới đến được Bang Saphan. Tà Nào có lẽ âm Nôm từ Tavoy (Muang Thawai), một địa danh lịch sử nay thuộc Lào, vùng Tavoy là dãy đất chạy dài giáp giới Suphaburi, Ratburi, Phetburi của Siam.
33. Tiền Dũng quận công, tức gọi tắt Tiền quân Dũng quận công Nguyễn Văn Thành. *Tập lục* nhắc chuyện năm 1786, theo *ĐNTL*, chính biên đệ nhất kỷ, quyển 2: “Bính Ngọ, năm thứ 7 [1786] (Lê - Cảnh Hưng 47, Thanh Càn Long 51), mùa xuân, tháng Giêng, vua trú ở hành tại Vọng Các. Tháng 2, Diến Điện do ba đường tiến binh xâm lấn đất Sài Nặc nước Xiêm. Vua Xiêm tự đem quân chống cự, xin vua giúp kế hoạch. Vua nói: ‘Diến Điện cất quân từ xa lại, chở lương đi hàng ngàn dặm, kể đã mệt rồi. Tôi xin giúp sức, đánh chóng hẳn được!’ Vua Xiêm tiến binh ngay. Vua tự đem quân của mình trợ chiến, sai Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Thành đi trước, dùng ống phun lửa để đánh. Quân Diến Điện sợ chạy, chết không kể xiết, bị bắt 500 người. Vua Xiêm thán phục, trở về đem vàng lụa đến tạ, lại muốn giúp quân cho vua thu phục Gia Định”. Địa danh Sài Nặc (bản dịch *ĐNTL* không chú thích) có thể âm Nôm từ Chainat, nơi cách phía bắc Bangkok 194km. Theo Hall thì cuộc chiến Siam - Burma tại vùng này đã bắt đầu từ 1785, lấn cận biên giới vùng Tavoy kéo dài nhiều năm. Siam chiếm vùng Mergui và Tavoy đến năm 1792 thì trả lại cho Burma. David K. Wyatt thì ghi nhận cuộc chiến đã xảy ra vào năm 1784, năm này vua Burma là Bodawhpaya đem 10 vạn quân, chia làm 5 cánh tấn công Siam, vua Rama I phải điều 7 vạn quân chống trả, năm 1785 quân Siam thắng lớn, quân Burma phải rút về bờ biển mạn tây [Tavoy], nhưng các năm sau vẫn thường xuyên tập kích vào đất Siam. Có lẽ *ĐNTL* chép nhầm năm, hoặc trận đánh của Nguyễn Văn Thành là một chiến dịch trong cuộc chiến nhiều năm giữa hai nước này.
34. Ban Tà Phan, mường lớn, 班斜潘大茫, Bang Saphan, nguyên văn viết Ban Tà Phan Đại, tức Ban Saphan Yai [nơi hiện nay gọi Bang Saphan], để phân biệt với một nơi cách khoảng 45km về phía nam là Ban Saphan Noi (nhỏ) [còn gọi là Ban Nong Khong].
35. Nguyên văn viết : “phân thủ kim hộ/分守金戶”, cũng có thể hiểu là “có đồn phân thủ, có dân khai thác vàng”, cũng có thể là cách gọi sở thu thuế.
36. Chiêm Bôn, mường, (示 占) 奔 茫, Chumphon/Chumporn.
37. Láng Son, xóm, 潮 (拏 崙) 站, Lang Suan.
38. Xây Gia, mường, 嗟 加 茫, Chaiya.
39. Lục Khôn, mường, 六坤茫, Nakhon Sithammarat.
40. Sóng Sẻ, mường, 潯 鴿 茫, Songkhla, còn gọi Singora, thành/ trấn phía nam hồ/ biển Nước Ngọt [Thale Luang], nay là tỉnh lỵ của tỉnh Songkhla.

41. Mường Say, 茫 薩, Sai Buri, còn gọi Talu Ban.
42. Xa Láng, mường, 車 湖 茫, Chalang/ Thalang (Ujong Salang - Phuket).
43. Nước Ngọt, biển, 渚 叻 變, Thale Luang, [cũng gọi hồ (Lake) Songkhla].
44. Mường Say (Sai Buri) hiện nay thuộc lãnh thổ Siam. Trong thời điểm ghi chép *Tập lục*, đây là vùng đệm, nơi giáp giới giữa Xiêm La và các tiểu quốc Kedah, Perak, Kelantan và Trengganu [sử Việt gọi chung chung là Đồ Bà], là nơi thường xảy ra giao tranh nên địa giới bất ổn, có thể một tiểu quốc Đồ Bà nào đó chiếm được đất Mường Say, nhưng sử Siam và sử Mã Lai phần chép về các tiểu quốc Kedah, Perak, Kelantan và Trengganu [nay là các bang thuộc Liên bang Malaysia] không cho thấy việc chiếm đóng của Jawa trên vùng Sai Buri, mà ngược lại, địa giới Siam còn lấn sâu xuống phía nam, chiếm các vùng Kedah, Kelantan và Trengganu. Chi tiết “quan Đồ Bà trấn thủ, quân số khoảng 3.000” tại Sai Buri có lẽ là ghi chép nhầm.
45. Hòn Cau, (石 丸) 梹, Penang, cũng viết cù lao Cau, xem dưới.
46. Cù lao Cau, 岫 嶠 梹, Penang, đây là trường hợp chuyển nghĩa địa danh, trong tiếng Mã Lai, “Penang” hay “Pinang” có nghĩa là “cây cau”, trước thời điểm ghi chép *Tập lục*, người Trung Hoa đã dùng cách chuyển nghĩa đối với đảo này, gọi/viết là “檳榔嶼/ Tân Lang dụ”.
47. Hoa Lang, 花 郎, chỉ chung người phương Tây, ở đây chỉ người Anh.
48. Hòa Lang, 和 郎, chỉ người Hà Lan.
49. Cấp bản (thuyền), 給 板, phiên âm từ tiếng Mã Lai gốc Tamil “kapal” nghĩa là: thuyền, đĩnh, hạm quân dụng.
50. Ta Lung, mường, 些 壘 茫, Phatthalung, nơi xuất xứ loại hình múa rối bóng truyền thống đặc biệt Nang Ta Lung (rối bóng của xứ Ta Lung).
51. Me Năm Lọt, 楣 𪗇 (𪗇 律), *Bản T-S* cho ứng với Mae Nam Khirirat - (Suratthani).
52. Cua Thùng Cua Bá, mường, (魚 孤) 桶 (魚 孤) 播 茫, Takua Thung- Suwan Khuha. *Bản T-S* phỏng đoán là Takuapa. Tuy nhiên, xét theo hành trình từ Takuapa phải theo hướng nam đi 2 ngày [khoảng 90km] mới đến bờ biển Tha Nun để theo đường thủy qua Ban Mai [phía bắc Phuket], *Tập lục* lại chép theo hướng tây đi nửa ngày [khoảng hơn 20km] thì đến bờ biển, để theo đường thủy qua Tha Lang [trung Phuket], theo lộ trình này thì Cua Thùng là phiên âm từ tên thị trấn/ quận Takua Thung, Cua Bá nếu đúng là phiên từ Takuapa thì *Tập lục* đã ghi sai lộ trình, nếu là phiên âm hang động thiên nhiên Suwan Khuha (cách Takua Thung khoảng 20km về hướng tây bắc) thì phù hợp lộ trình. Theo địa đồ cổ “Muang Nakhon Si Thammarat” (*Royal Siamese Maps*, 2004, tr.147), hai địa danh này được ghi nhận là Takaotung và Takao Pa.